

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 01/2020/DS-ST

Ngày: 17/3/2020

V/v “tranh chấp hợp

đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Hữu Tính**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Thanh Dũ;**

Bà **Trần Thị Thu Thảo**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Lê Trung Hiếu** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-ST ngày 18/02/2020, quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-DS ngày 05/3/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.**

Địa chỉ: đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Thúy H** – Giám đốc chi nhánh Ngân hàng A huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà **Huỳnh Thị Bé T**, sinh năm 1976 – Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh – Chi nhánh Ngân hàng A huyện T (có mặt).

**2. Bị đơn: Bà Lê Thị T**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1 Ông **Nguyễn Văn Bé T**, sinh năm 1955 (xin vắng mặt);

3.2 Ông **Võ Quốc H**, sinh năm 1978 (có mặt);

3.3 Bà **Nguyễn Thị Kiều P**, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo người đại diện ủy quyền lại của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bé T trình bày:*

Ngày 17/08/2017, bà Lê Thị T có ký hợp đồng số 6908LAV201703608 với Ngân hàng A – Chi nhánh huyện T (gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để trồng lúa và chăn nuôi heo, lãi suất cho vay cố định là 9.50% trên năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, ngày đến hạn là 15/8/2018. Đến hạn trả, bà T không thực hiện việc trả nợ dù Ngân hàng đã năm lần mời bà T đến để lập biên bản xử lý quá hạn.

*Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:* Buộc bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và lãi tính đến ngày xét xử là 12.831.507 (mười hai triệu, tám trăm ba mươi một nghìn, năm trăm lẻ bảy đồng), thực hiện làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bị đơn bà Lê Thị T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Bé T và chị Nguyễn Thị Kiều P đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Phước tổng đạt hợp lệ, đầy đủ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T, ông T và chị P không có mặt và không có gửi ý kiến cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Quốc H trình bày: Tôi thừa nhận bà T có vay và còn nợ Ngân hàng số tiền như đại diện Ngân hàng trình bày. Bà T bệnh nặng không có khả năng lao động nên tôi xin Ngân hàng cho bà T trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 01/4/2020 cho đến khi xong nợ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp dân sự về “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét bị đơn bà Lê Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Bà Lê Thị T là bị đơn; ông Nguyễn Văn Bé T và chị Nguyễn Thị Kiều P là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà T, ông T và chị P.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Chứng cứ đại diện Ngân hàng đưa ra để yêu cầu bà Lê Thị T trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay và lãi tổng cộng 52.831.507 đồng (năm mươi hai triệu, tám trăm ba mươi một nghìn, năm trăm lẻ bảy đồng) gồm: 05 Biên bản xử lý nợ quá hạn (BL 04 - 08); 01 Hợp đồng tín dụng dùng cho khách hàng cá nhân số 6908LAV20173608 ngày 17/8/2017 (BL 11).

[4.2] Chứng cứ bà T cung cấp để bảo vệ quyền lợi ích cho mình: Không có.

[4.3] Đối với yêu cầu trả vốn gốc:

Xét theo hợp đồng số 6908LAV20173608 ngày 17/8/2017 giữa Lê Thị T và Ngân hàng thì đến ngày 15/8/2018 bà T phải hoàn trả hết vốn và lãi cho Ngân hàng nhưng đến nay đã quá hạn bà T không thực hiện việc trả nợ. Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng vay, Ngân hàng khởi kiện đòi nợ gốc 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) là có cơ sở.

[4.4] Đối với yêu cầu trả lãi:

Phần lãi suất tính từ ngày 17/8/2017 đến ngày xét xử 17/3/2020 (lãi trong hạn 40.000.000 đồng x 9.50% x 943 ngày = 9.817.534 đồng; lãi quá hạn 40.000.000 đồng x 4.75% x 579 ngày = 3.013.973 đồng). Đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự quy định: “1. Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá trên 20%/năm (1.66%/tháng) của khoản tiền vay, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định khác...” Như vậy, lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay số 6908LAV20173608 ngày 17/8/2017 phù hợp với quy định của pháp luật và Ngân hàng có bản kê tính lãi cụ thể, chính xác, rõ ràng nên có cơ sở chấp nhận.

[4.5] Xét ý kiến anh H xin cho bà T trả dần số tiền còn nợ Ngân hàng mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 01/4/2020 cho đến khi xong nợ. Xét yêu cầu của anh H thấy bà T đã vi phạm hợp đồng trễ hạn trả nợ hơn một năm làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng và yêu cầu này không được đại diện Ngân hàng đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[4.6] Từ những phân tích nêu trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 463, Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

**Xử:**

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A đối với bà Lê Thị T.*

1.1 Buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền vốn vay và lãi tính đến ngày 17/3/2020 tổng

cộng là 52.831.507 đồng (năm mươi hai triệu, tám trăm ba mươi một nghìn, năm trăm lẻ bảy đồng) thực hiện làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Bà Lê Thị T còn phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay số 6908LAV20173608 ngày 17/8/2017 giữa bà Lê Thị T và Ngân hàng A – Chi nhánh huyện T từ ngày 18/3/2020 cho đến khi hoàn tất nợ.

### 2. Về án phí:

2.1 Bà Lê Thị T phải chịu 2.641.000 đồng (hai triệu, sáu trăm bốn mươi một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng 1.266.000 đồng (một triệu, hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 20187 ngày 25/12/2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

### 3. Về quyền kháng cáo:

3.1 Đại diện Ngân hàng A và anh Võ Quốc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

3.2 Bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn Bé T và chị Nguyễn Thị Kiều P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tổng đạt bản án hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- CC.THADS huyện T;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Trần Hữu Tính**